

Nghiên cứu các phương pháp giảng dạy đại học phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến tại Việt Nam

*Bùi Thu Phương**

**TS. Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội*

Received: 16/7/2024; Accepted: 23/7/2024; Published: 30/7/2024

Abstract: *E-learning is not just a temporary solution but has become an indispensable part of the educational system. In the current context, the role of E-learning is increasingly affirmed and strongly developed. How can the quality of E-learning in higher education in Vietnam be enhanced? This is a question that not only educational institutions and education managers but also the entire society is concerned about. One of the important factors is the selection and design of effective and appropriate teaching methods.*

Keywords: *E-learning, teaching methods, quality of E-learning*

1. Đặt vấn đề

Đào tạo trực tuyến (ĐTTT) không chỉ là một giải pháp tình thế mà đã trở thành một phần không thể thiếu của hệ thống giáo dục. Trong bối cảnh hiện tại, vai trò của ĐTTT ngày càng được khẳng định và phát triển mạnh mẽ. Vậy làm thế nào để nâng cao chất lượng ĐTTT trong giáo dục đại học tại Việt Nam? Đây là câu hỏi không chỉ các cơ sở giáo dục (CSGD), các nhà quản lý giáo dục mà đang được cả xã hội quan tâm. Một trong các yếu tố quan trọng đó là việc lựa chọn, thiết kế các phương pháp giảng dạy (PPGD) hiệu quả, phù hợp.

2. Nội dung nghiên cứu

ĐTTT tại Việt Nam đã bắt đầu phát triển từ đầu những năm 2000, nhưng thực sự bùng nổ và phát triển mạnh mẽ vào khoảng thời gian gần đây, đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Hiện tại ĐTTT đã trở thành một phần quan trọng trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng tại Việt Nam. Nó mang lại nhiều lợi ích thiết thực, từ việc mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục, tối ưu hóa chi phí, cải thiện chất lượng giảng dạy và học tập, đến việc chuẩn bị cho tương lai và thúc đẩy sự hợp tác quốc tế.

2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng ĐTTT:

Chất lượng ĐTTT phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm cả yếu tố công nghệ (CN), nội dung giảng dạy, phương pháp sư phạm, và sự tham gia của sinh viên (SV). Dưới đây là một số yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng ĐTTT:

- Nền tảng CN: Sự ổn định, thân thiện và tính năng phong phú của nền tảng LMS (như Moodle, Blackboard, Canvas) đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ học tập và giảng dạy trực tuyến. Các công

cụ hỗ trợ giao tiếp trực tuyến như Zoom, Microsoft Teams, Google Meet giúp tăng cường sự tương tác giữa giảng viên (GV) và SV.

- Nội dung giảng dạy: Tài liệu học tập phải được thiết kế rõ ràng, hấp dẫn và phù hợp với đối tượng SV. Đồng thời cần đa dạng hóa phương tiện truyền đạt (sử dụng video, audio, hình ảnh, bài giảng trực tiếp và các bài tập tương tác) để làm phong phú nội dung học tập.

- Phương pháp sư phạm: Bên cạnh việc thiết kế và lựa chọn các PPGD phù hợp, GV cần tạo môi trường tương tác tích cực, phản hồi nhanh chóng và hỗ trợ SV kịp thời.

- Trình độ và kỹ năng (KN) của GV: GV cần có KN sử dụng các công cụ và cần được đào tạo về các phương pháp sư phạm trực tuyến để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

- Sự tham gia và động lực của SV: Học tập trực tuyến đòi hỏi SV phải có tính tự giác và kỷ luật cao trong việc quản lý thời gian và công việc học tập. GV cần khuyến khích SV tham gia vào các hoạt động tương tác, thảo luận nhóm và các dự án học tập.

- Hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ học tập: CSGD cần cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật kịp thời để giải quyết các vấn đề về CN mà GV, đặc biệt là SV có thể gặp phải như tư vấn học thuật, hỗ trợ tâm lý và các tài nguyên học tập bổ sung.

- Đánh giá và phản hồi: Cần sử dụng các hình thức đánh giá liên tục như bài tập, bài kiểm tra, phản hồi và nhận xét để theo dõi tiến độ học tập của SV. Từ đó giúp cải thiện nội dung và PPGD.

Chất lượng ĐTTT là kết quả của sự kết hợp nhiều yếu tố trên. Trong đó, một trong các yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình ĐTTT ở trình độ đại

học tại Việt Nam là việc thiết kế các PPGD phù hợp của GV. Quá trình này phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm đặc điểm của từng học phần, đặc thù của SV, và cơ sở hạ tầng CN của trường. Nội dung dưới đây gợi ý một số PPGD phù hợp với hình thức ĐTTT mà GV có thể áp dụng.

2.2. Một số PPGD đại học phù hợp với ĐTTT

2.2.1. *Thảo luận nhóm trực tuyến (Online Discussion Groups)*: Sử dụng các phòng hội thảo trực tuyến (online meeting rooms) như Zoom, Microsoft Teams, Google Meet, hay các nền tảng hội thảo khác để tổ chức các hoạt động thảo luận và nhóm giúp GV có thể giới thiệu các nội dung mới, trả lời câu hỏi từ SV, và thảo luận về các vấn đề chuyên môn. Từ đó giúp khuyến khích sự tương tác giữa SV và giữa SV với GV, giúp họ học hỏi lẫn nhau và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả.

a. Ưu điểm: (1) Giúp SV học hỏi lẫn nhau và phát triển KN làm việc nhóm; cho phép SV và GV thảo luận, đặt câu hỏi và nhận phản hồi một cách trực tiếp. (2) SV có thể tiếp cận các quan điểm khác nhau từ các thành viên trong nhóm. (3) Có thể tổ chức các buổi hội thảo vào các thời điểm phù hợp với lịch học của SV. (4) Giúp SV cảm thấy gần gũi hơn với GV và các bạn cùng lớp.

b. Nhược điểm: Cần sự điều phối chặt chẽ để đảm bảo mọi thành viên đều tham gia đầy đủ và đóng góp xây dựng. SV cần có sự quen thuộc với nền tảng hội thảo trực tuyến và có kết nối internet ổn định.

2.2.2. *Bài tập và dự án thực hành (Assignments and practical projects)*: Thiết kế các bài tập và dự án thực hành để SV có thể áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế. GV có thể cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ qua các buổi họp trực tuyến để đảm bảo SV hiểu rõ yêu cầu và đạt được mục tiêu của bài tập.

a. Ưu điểm: (1) Giúp SV áp dụng những kiến thức đã học được vào thực tế. (2) Tăng cường KN giải quyết vấn đề và sáng tạo của SV. (3) Cung cấp phản hồi cụ thể và đánh giá chất lượng công việc của SV.

b. Nhược điểm: SV có thể cần sự hướng dẫn chi tiết để hoàn thành bài tập một cách hiệu quả. Cần dành nhiều thời gian và công sức cho các dự án thực hành.

2.2.3. *Sử dụng CN mô phỏng và thực tế ảo (Simulation and Virtual Reality)*

- CN thực tế ảo là CN mô phỏng một môi trường thực tế hoàn toàn bằng máy tính, cho phép người dùng hoàn toàn đắm chìm vào một không gian ảo. Người dùng sử dụng thiết bị VR như kính VR để nhập một thế giới hoàn toàn mới, mô phỏng từ các hình ảnh 3D và âm thanh số, mang lại cảm giác như

đang tham gia vào không gian thực tế.

- Phòng thí nghiệm ảo: Sử dụng các công cụ mô phỏng và thực tế ảo để tạo ra các phòng thí nghiệm ảo, giúp SV thực hành và trải nghiệm một cách thực tế.

- Mô phỏng tình huống: Áp dụng các tình huống mô phỏng để SV rèn luyện KN và áp dụng kiến thức.

- CN này được sử dụng trong mô hình hóa và thực hành giúp SV có thể thực hành các KN phức tạp trong một môi trường an toàn và kiểm soát. Đồng thời có thể được áp dụng trong giảng dạy trực quan nhằm cung cấp trải nghiệm học tập chân thực hơn, giúp SV hiểu sâu hơn về các khái niệm trừu tượng hoặc về không gian và cấu trúc phức tạp.

a. Ưu điểm: Tạo ra sự hứng thú và tham gia cao, giúp SV hiểu sâu hơn và nhớ lâu hơn. Có thể áp dụng trong các lĩnh vực như y tế, kỹ thuật, và nghệ thuật để thực hành các KN và quy trình phức tạp.

b. Nhược điểm: Đòi hỏi chi phí đầu tư cao các thiết bị VR và phần mềm mô phỏng. Yêu cầu máy tính mạnh mẽ để xử lý hình ảnh và âm thanh 3D.

2.2.4. *Học tập cá nhân hóa (Personalized Learning)*:

Học tập cá nhân hóa là một PPGD quan trọng và hiệu quả trong bối cảnh giáo dục trực tuyến. Nó tập trung vào việc điều chỉnh nội dung và PPGD để phù hợp với nhu cầu, sở thích, và tốc độ học tập của từng SV.

a. Ưu điểm: (1) SV có xu hướng tham gia tích cực hơn khi cảm thấy nội dung học tập phù hợp với nhu cầu và sở thích của mình. (2) Việc điều chỉnh nội dung và PPGD giúp SV hiểu bài tốt hơn và đạt được kết quả học tập cao hơn. (3) Khuyến khích SV tự chịu trách nhiệm về quá trình học tập của mình, từ đó phát triển KN tự học và quản lý thời gian. (4) Khi nội dung học tập được điều chỉnh phù hợp, SV cảm thấy ít bị áp lực hơn và có thể học tập một cách thoải mái.

b. Nhược điểm: Đòi hỏi GV phải có KN và kiến thức về CN và PPGD trực tuyến. Việc tạo ra lộ trình học tập cá nhân và tài liệu học tập đa dạng có thể tốn kém thời gian và nguồn lực.

2.2.5. *Dự án nhóm trực tuyến (Online Group Projects)*: Khuyến khích SV làm việc theo nhóm qua các công cụ như Google Docs, Google Sheets, Trello để cùng nhau thực hiện các dự án; Sử dụng các nền tảng chia sẻ tài liệu và công cụ quản lý dự án để theo dõi tiến độ và hợp tác hiệu quả.

a. Ưu điểm: (1) Giúp SV phát triển KN giải quyết vấn đề và làm việc nhóm, áp dụng kiến thức vào thực tế. (2) Khuyến khích sự hợp tác và chia sẻ kiến thức giữa các SV. (3) Giúp phát triển KN mềm như KN giao tiếp, quản lý thời gian, và phân phối công việc.

b. Nhược điểm: SV và GV cần phải có kế hoạch rõ

ràng để hoàn thành các dự án trong thời gian quy định. Đồng thời cần thiết lập các tiêu chí rõ ràng để đánh giá thành tích của từng thành viên trong nhóm.

2.2.6. Học tập dựa trên vấn đề (Problem-Based Learning): Học tập dựa trên vấn đề là PPGD mà trong đó SV học tập thông qua quá trình giải quyết các vấn đề thực tế, phức tạp và không có câu trả lời rõ ràng. Phương pháp này khuyến khích SV tự nghiên cứu, hợp tác và phát triển các KN phân tích và giải quyết vấn đề trong ĐTTT.

a. Ưu điểm: (1) SV cần phân tích và tìm ra giải pháp cho các vấn đề phức tạp, giúp phát triển tư duy phân biện và KN giải quyết vấn đề. (2) SV phải tự tìm kiếm và nghiên cứu thông tin, tạo điều kiện cho việc học tập chủ động và tự giác. (3) Đòi hỏi sự hợp tác và giao tiếp giữa các thành viên trong nhóm, giúp phát triển KN làm việc nhóm và giao tiếp. (4) SV học cách áp dụng kiến thức lý thuyết vào giải quyết các vấn đề thực tế, giúp họ hiểu sâu hơn về nội dung học tập và thấy rõ ý nghĩa của việc học. (5) Tạo cơ hội cho sự tương tác giữa SV và GV, giúp tạo cảm giác gắn kết và cộng đồng học tập.

b. Nhược điểm: (1) SV và GV phải dành nhiều thời gian cho việc nghiên cứu, thảo luận và giải quyết vấn đề. (2) Đòi hỏi SV và GV phải có KN sử dụng CN và tiếp cận với các công cụ trực tuyến. (3) Việc tổ chức và quản lý nhóm học tập trực tuyến có thể gặp khó khăn, đặc biệt khi SV không có khả năng tự quản lý tốt. (4) GV phải có vai trò hướng dẫn và hỗ trợ mạnh mẽ, đòi hỏi họ phải có KN sư phạm tốt và sự linh hoạt trong PPGD. (5) Việc đánh giá và đưa ra phản hồi cho SV có thể phức tạp và tốn nhiều thời gian.

2.2.7. Nghiên cứu tình huống (Case study): Đây là một trong những PPGD hiệu quả trong dạy học trực tuyến. Nó cung cấp cho SV cơ hội tham gia tích cực vào quá trình học tập, thúc đẩy KN nghiên cứu, giải quyết vấn đề và tư duy phân tích. Trong quá trình học, SV sử dụng các hệ thống quản lý học tập như Moodle, Blackboard hoặc Canvas để cung cấp các tài liệu nghiên cứu tình huống, tạo không gian thảo luận và nộp bài.

a. Ưu điểm: (1) SV phải phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp cho các tình huống phức tạp, giúp họ phát triển KN tư duy phân biện và giải quyết vấn đề. (2) Giúp SV áp dụng lý thuyết vào các tình huống thực tế, từ đó hiểu rõ hơn về cách kiến thức được sử dụng trong thực tế. (3) Các tình huống thực tế và liên quan giúp SV cảm thấy hứng thú và có động lực hơn trong học tập. (4) Làm việc nhóm và thảo luận với bạn bè giúp SV rèn luyện các KN mềm như giao tiếp, hợp tác

và quản lý thời gian. (5) SV có thể nghiên cứu và giải quyết các tình huống theo cách của riêng họ, giúp họ phát triển phong cách học tập cá nhân.

b. Nhược điểm: (1) Một số SV có thể ít tham gia vào các thảo luận nhóm hoặc không đóng góp ý kiến tích cực, dẫn đến sự mất cân bằng trong việc học tập. (2) Các vấn đề về CN như kết nối mạng kém hoặc thiếu KN sử dụng các công cụ trực tuyến có thể gây cản trở cho việc học tập và thảo luận. (3) GV cần đầu tư nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị các tình huống nghiên cứu phù hợp và hấp dẫn, cũng như quản lý và hỗ trợ các hoạt động thảo luận. (4) Việc đánh giá hiệu quả của SV phức tạp do cần phải đánh giá nhiều yếu tố khác nhau. (5) Một số SV có thể cảm thấy áp lực khi phải tham gia vào các hoạt động nhóm và đưa ra giải pháp cho các tình huống phức tạp, đặc biệt là những SV nhút nhát hoặc thiếu tự tin. (6) SV phải có khả năng tự học và tự quản lý thời gian tốt.

3. Kết luận

Mỗi PPGD đều có những ưu điểm, nhược điểm riêng biệt. Không có một PPGD nào được coi là tối ưu duy nhất cho ĐTTT, vì hiệu quả phụ thuộc vào nhiều yếu tố như mục tiêu học tập, đối tượng SV, nội dung môn học và điều kiện kỹ thuật, cơ sở vật chất của mỗi CSGD. Việc kết hợp các phương pháp này có thể tạo ra một môi trường học tập trực tuyến phong phú, giúp nâng cao chất lượng đào tạo và tạo ra những trải nghiệm học tập tốt hơn đối với mỗi SV. Do đó, GV cần xác định mục tiêu, định hướng rõ ràng để thiết kế, lựa chọn PPGD phù hợp với ĐTTT, nhằm đem lại hiệu quả tối ưu nhất trong công tác giáo dục nói chung và công việc giảng dạy nói riêng.

Tài liệu tham khảo

[1]. Allen, I. E., & Seaman, J. (2013). *Changing course: Ten years of tracking online education in the United States*. Sloan Consortium. PO Box 1238, Newburyport, MA 01950.

[2]. Aranda, N. (2007). *A brief history of e-learning and distance education*, *Ezine Articles [Online]* Available URL: <http://ezinearticles.com/?A-Brief-History-of-E-learning-and-Distance-Education&id=496460>. Accessed July, 12, 2015.

[3]. Brew, L. (2008), *The role of student feedback in evaluating and revising a blended learning course*. *Internet and Higher Education*, 11: 98-105.

[4]. Fresen, J. (2002). *Quality in Web-supported learning*. *Educational Technology*, 42(1), 28 -35.

[5]. Nguyễn Thị Thanh Hương (2023), *Nghiên cứu áp dụng dạy học kết hợp (BLENDED LEARNING) để đổi mới PPGD*, Tạp chí Thiết bị giáo dục, 304(1), 73-75.